

Thanh khoản cải thiện

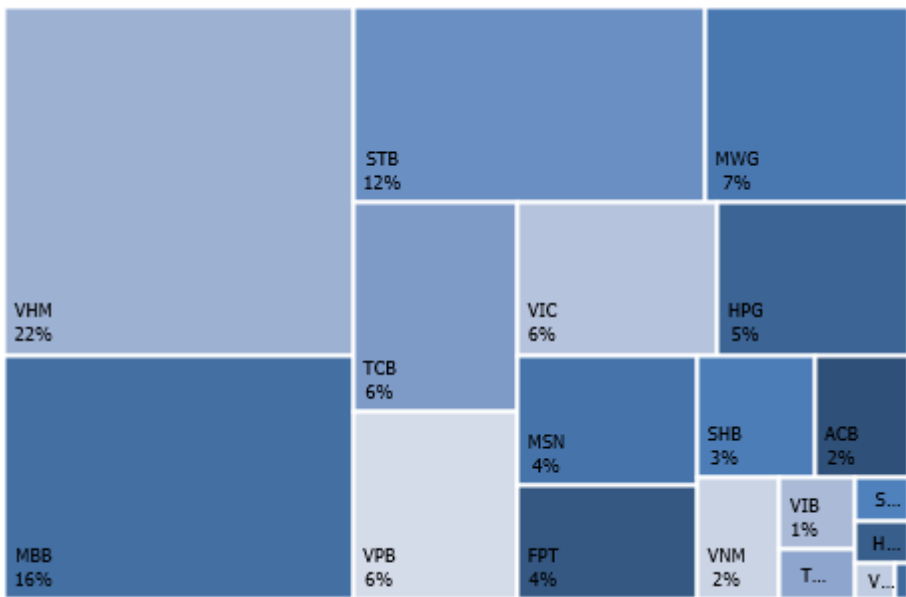
Trong tuần 25, thanh khoản trên thị trường đánh dấu chuỗi tăng ba tuần liên tiếp. Cụ thể, khối lượng và giá trị giao dịch trong tuần ghi nhận ở mức 238.9 triệu chứng quyền/280.4 tỷ đồng, lần lượt tăng 9.0%/18.0% so với tuần liền trước.

Đối với giá trị giao dịch theo tài sản cơ sở, VHM và MBB là những tài sản cơ sở có chứng quyền thu hút phần lớn hoạt động giao dịch với 38% tổng giá trị giao dịch. Xếp sau đó là các chứng quyền của các cổ phiếu như STB, MWG, TCB, VIC và VPB.

Đối với các mã chứng quyền có thời gian đáo hạn trên 1 tháng, biến động tăng ghi nhận ở các mã CVHM2503 (+209.8%), CVRE2408 (+167.5%) và CTCB2504 (+106.2%). Ở hướng ngược lại, biến động giảm ghi nhận ở các mã CMWG2505 (-95.6%), CVRE2407 (-65.5%) và CVHM2504 (-60.2%).

Thanh khoản trên thị trường tiếp tục ghi nhận cải thiện tích cực, với số lượng mã tăng giá gia tăng so với tuần trước. Tuy nhiên, tâm lý thận trọng vẫn hiện hữu khi số lượng chứng quyền giảm giá vẫn chiếm tỷ trọng lớn hơn. Dựa trên kết quả định giá bằng mô hình Black-Scholes, một số mã chứng quyền đang được định giá thấp (undervalued), nổi bật gồm: CVRE2506 và CSTB2406. Ở hướng ngược lại, các mã như CVHM2511, CHPG2517 và CMBB2510 đang trong trạng thái bị định giá cao (overvalued), theo thống kê trên tổng số 233 mã chứng quyền được định giá.

Hình 1. Giá trị giao dịch của CW theo TSCS



Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 1. Thống kê thị trường

Chứng quyền	233
Khối lượng giao dịch (tr.CQ)	238
Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	280
CW tăng giá	104
CW giảm giá	111
CW tham chiếu	18

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 2. Định giá chứng quyền

Chứng quyền	233
Định giá thấp	17
Định giá cao	216

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 3. Top CW định giá thấp

Mã	Giá thị trường	Giá nội tại	Chênh lệch
CVRE2506	1,380	1,413	(33)
CSTB2406	1400	1,416	(16)

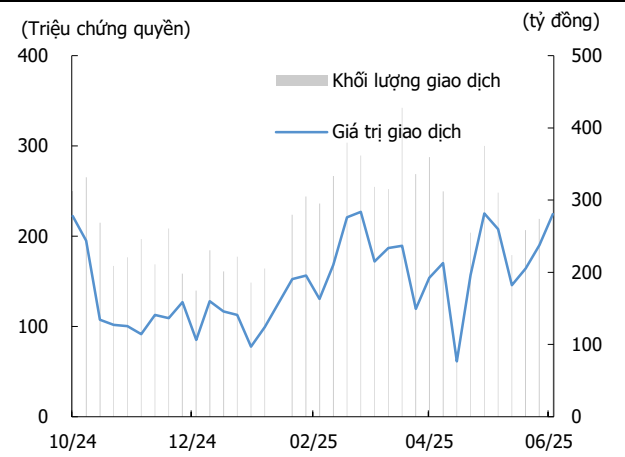
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Ghi chú: Tính đến cuối phiên thứ Sáu gần nhất

Phòng phân tích

Researchdept@kisvn.vn

Hình 2. Khối lượng và giá trị giao dịch CW



Nguồn: FiinproX, KIS Research

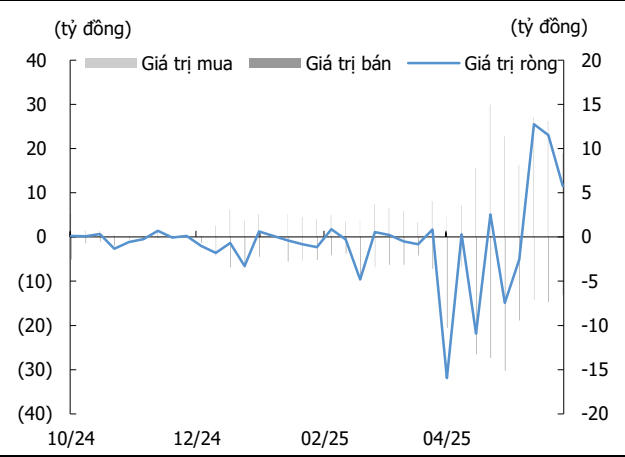
Bảng 4. Top 10 giá trị giao dịch

(đồng, % tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Giá trị giao dịch
CVHM2514	11/12/2025	2,050	15.8	16.9
CMBB2405	24/07/2025	970	21.3	16.8
CMBB2407	31/10/2025	2,400	16.5	14.6
CVHM2513	10/10/2025	1,400	18.6	13.3
CVHM2510	08/01/2026	4,590	10.9	11.7
CTCB2503	23/10/2025	4,530	25.5	9.5
CVIC2502	23/10/2025	8,820	5.3	8.9
CSTB2410	31/10/2025	3,350	15.1	7.8
CVHM2502	23/10/2025	5,570	12.5	7.4
CVHM2406	24/07/2025	5,430	17.5	6.7

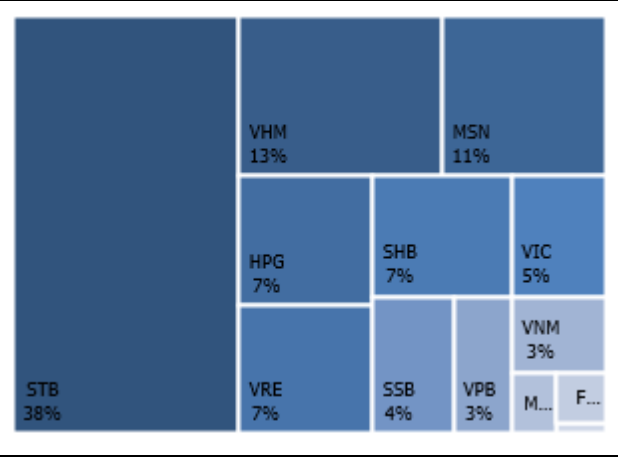
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 3. Giá trị mua/bán ròng của khối ngoại



Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 4. Hoạt động giao dịch nước ngoài theo TSCS



Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 5. Top 3 nước ngoài mua ròng

(đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Mua	Bán	Ròng
CSTB2507	17/07/2025	2,180	50.3	2.95	(0.18)	2.77
CVHM2508	17/11/2025	3,910	23.3	2.09	(0.00)	2.08
CSHB2403	26/06/2025	1,300	(2.3)	1.23	(0.01)	1.22

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 6. Top 3 nước ngoài bán ròng

(đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Mua	Bán	Ròng
CSHB2504	17/11/2025	950	(17.4)	0.82	(2.38)	(1.56)
CSTB2510	17/11/2025	2,000	16.3	0.01	(0.94)	(0.93)
CSHB2505	19/02/2026	1,160	(12.1)	0.25	(0.96)	(0.71)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 7. CW và TSCS

(Tỷ đồng, % tuần, Tỷ đồng, Chứng quyền)

TSCS	Tên	Ngành	Vốn hóa	Sở hữu nước ngoài	Số chứng quyền	Vốn hóa CW	Giá trị giao dịch	Khối lượng giao dịch
ACB	Ngân hàng Á Châu	Tài chính	110,181.3	29.9%	8	96,280.0	6.0	9,057,219.0
BCM	Becamex IDC	Bất động sản	60,651.0	1.9%				
BID	BIDV	Tài chính	252,769.0	17.6%				
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Tài chính	37,561.5	27.2%				
CTG	VietinBank	Tài chính	221,780.7	27.0%				
FPT	FPT Corp	CNTT	171,982.4	40.8%	18	166,896.0	10.4	10,220,516.0
GAS	PV Gas	DV tiện ích	162,815.8	1.9%				
GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	Nguyên vật liệu	116,800.0	1.0%				
HDB	HDBank	Tài chính	77,415.6	16.7%	5	23,260.0	1.2	3,063,200.0
HPG	Hòa Phát	Nguyên vật liệu	172,698.8	22.2%	24	375,165.0	15.0	21,224,992.0
MBB	MBBank	Tài chính	157,438.6	23.2%	15	367,431.0	43.5	32,608,900.0
MSN	Tập đoàn Masan	TD thiết yếu	97,088.7	25.0%	16	221,340.0	12.0	20,200,300.0
MWG	Thế giới di động	TD không thiết yếu	94,799.6	48.0%	15	623,670.0	20.3	21,716,150.0
SHB	Ngân hàng Sài Gòn	Tài chính	53,254.8	3.1%	6	37,420.0	7.4	6,884,100.0
SSB	Ngân hàng Đông Nam Á	Tài chính	51,636.8	0.1%	4	61,600.0	1.2	6,649,100.0
PLX	Petrolimex	Năng lượng	49,743.7	17.3%				
LPB	Ngân hàng Lộc Phát	Tài chính	95,294.3	0.8%	2	51,960.0	0.3	421,900.0
SAB	SABECO	TD thiết yếu	63,486.8	59.0%				
SSI	Chứng khoán SSI	Tài chính	47,324.9	34.7%				
STB	Sacombank	Tài chính	87,851.1	20.1%	19	387,410.0	34.9	12,829,600.0
TCB	Techcombank	Tài chính	240,205.0	22.5%	11	74,698.0	17.6	6,477,921.0
TPB	Ngân hàng Tiên Phong	Tài chính	35,270.1	22.9%	4	131,945.0	1.9	1,445,200.0
VCB	Vietcombank	Tài chính	477,109.0	22.1%				
VHM	Vinhomes	Bất động sản	288,340.3	10.7%	17	278,190.0	61.8	25,391,100.0
VIB	VIBBank	Tài chính	53,922.2	5.0%	7	139,120.0	2.7	8,642,400.0
VIC	VinGroup	Bất động sản	331,893.8	7.7%	10	99,640.0	15.7	1,799,000.0
VJC	Vietjet Air	Công nghiệp	52,475.9	12.0%	3	33,470.0	0.7	4,489,200.0
VNM	VINAMILK	TD thiết yếu	118,291.5	48.5%	14	64,710.0	5.1	8,989,000.0
VPB	VPBank	Tài chính	146,380.9	24.7%	18	150,628.0	15.8	23,817,005.0
VRE	Vincom Retail	Bất động sản	55,899.0	18.1%	17	174,603.0	6.6	5,441,900.0

Nguồn: Bloomberg, FiinproX, KIS Research

Ghi chú: CW: Chứng quyền và TSCS: Tài sản cơ sở

Bảng 8. CW trên thị trường

(đồng, %)

Stt	Mã	CW			TSCS				% Premium	Số phiên còn lại	Ngày giao dịch cuối cùng
		Tỷ lệ chuyển đổi	Giá phát hành	Giá đóng cửa	TSCS	Giá thực hiện	Giá hòa vốn	Giá đóng cửa			
1	CHPG2501	3.0000 : 1	2,100	510	HPG	25,500	27,030	27,000	(0.2)	6	24/06/2025
2	CMSN2501	8.0000 : 1	1,800	10	MSN	72,000	72,080	67,500	(6.2)	6	24/06/2025
3	CMWG2501	5.0000 : 1	2,300	440	MWG	62,000	64,200	64,100	(0.2)	6	24/06/2025
4	CSHB2501	1.7369 : 1	1,200	2,190	SHB	9,553	13,357	13,100	(1.8)	6	24/06/2025
5	CSTB2501	3.0000 : 1	2,700	4,100	STB	33,500	45,800	46,600	2.0	6	24/06/2025
6	CVRE2501	3.0000 : 1	1,200	2,040	VRE	18,000	24,120	24,600	2.1	6	24/06/2025
7	CVNM2505	3.8632 : 1	1,460	50	VNM	65,482	65,675	56,600	(14.3)	10	26/06/2025
8	CACB2506	1.6712 : 1	1,060	70	ACB	22,896	23,013	21,450	(7.3)	10	26/06/2025
9	CFPT2506	7.9321 : 1	1,580	10	FPT	162,609	162,688	116,100	(28.2)	10	26/06/2025
10	CHDB2501	2.0000 : 1	1,170	50	HDB	24,800	24,900	22,150	(11.5)	10	26/06/2025
11	CHPG2507	2.0000 : 1	1,520	30	HPG	29,600	29,660	27,000	(9.0)	10	26/06/2025
12	CMBB2506	1.7377 : 1	1,010	1,500	MBB	23,025	25,632	25,800	(1.1)	10	26/06/2025
13	CMSN2504	4.0000 : 1	1,750	10	MSN	77,700	77,740	67,500	(13.1)	10	26/06/2025
14	CMWG2506	3.0000 : 1	1,730	70	MWG	66,900	67,110	64,100	(4.5)	10	26/06/2025
15	CSTB2506	2.0000 : 1	1,710	4,200	STB	38,100	46,500	46,600	0.5	10	26/06/2025
16	CTCB2505	2.0000 : 1	1,010	3,650	TCB	26,400	33,700	34,000	(0.8)	10	26/06/2025
17	CTPB2501	0.9322 : 1	1,600	10	TPB	16,500	16,509	13,350	(18.8)	10	26/06/2025
18	CVHM2504	2.0000 : 1	1,050	12,700	VHM	44,500	69,900	70,200	1.0	10	26/06/2025
19	CVIB2503	0.9619 : 1	2,030	300	VIB	20,391	20,680	18,100	(12.5)	10	26/06/2025
20	CVIC2503	3.0000 : 1	1,220	14,320	VIC	42,600	85,560	86,800	2.5	10	26/06/2025
21	CVJC2501	6.0000 : 1	1,520	10	VJC	106,100	106,160	88,700	(16.9)	10	26/06/2025
22	CVPB2505	0.9735 : 1	1,850	140	VPB	20,444	20,580	18,450	(9.9)	10	26/06/2025
23	CVRE2504	1.0000 : 1	1,530	6,480	VRE	17,900	24,380	24,600	1.0	10	26/06/2025
24	CFPT2407	24.6161 : 1	1,000	10	FPT	157,346	157,592	116,100	(25.9)	10	26/06/2025
25	CHPG2412	4.0000 : 1	1,000	10	HPG	31,333	31,373	27,000	(14.0)	10	26/06/2025
26	CMBB2409	4.3443 : 1	1,000	220	MBB	25,099	26,055	25,800	(2.7)	10	26/06/2025
27	CMSN2408	10.0000 : 1	1,000	10	MSN	85,678	85,778	67,500	(21.2)	10	26/06/2025
28	CMWG2410	10.0000 : 1	1,000	10	MWG	70,777	70,877	64,100	(9.6)	10	26/06/2025
29	CSHB2403	1.7369 : 1	1,000	1,300	SHB	10,710	12,968	13,100	1.1	10	26/06/2025
30	CSTB2413	4.0000 : 1	1,000	1,640	STB	39,679	46,239	46,600	1.0	10	26/06/2025
31	CTCB2406	5.0000 : 1	1,000	1,130	TCB	27,979	33,629	34,000	(0.6)	10	26/06/2025
32	CTPB2405	3.7288 : 1	1,000	10	TPB	17,711	17,748	13,350	(24.5)	10	26/06/2025
33	CVHM2411	5.0000 : 1	1,000	4,200	VHM	50,555	71,555	70,200	(1.3)	10	26/06/2025
34	CVIC2407	5.0000 : 1	1,000	7,430	VIC	48,999	86,149	86,800	1.8	10	26/06/2025
35	CVPB2412	1.9471 : 1	1,000	10	VPB	22,174	22,193	18,450	(16.5)	10	26/06/2025
36	CVRE2410	4.0000 : 1	1,000	640	VRE	21,888	24,448	24,600	0.7	10	26/06/2025
37	CHDB2502	4.0000 : 1	1,000	100	HDB	24,444	24,844	22,150	(11.3)	31	17/07/2025
38	CHPG2511	4.0000 : 1	1,000	130	HPG	28,888	29,408	27,000	(8.3)	31	17/07/2025
39	CMSN2505	10.0000 : 1	1,000	130	MSN	73,333	74,633	67,500	(9.5)	31	17/07/2025
40	CSHB2502	1.9270 : 1	1,000	820	SHB	11,946	13,526	13,100	(3.1)	31	17/07/2025
41	CSSB2501	4.0000 : 1	1,000	60	SSB	20,678	20,918	18,150	(13.7)	31	17/07/2025
42	CSTB2507	4.0000 : 1	1,000	2,180	STB	39,999	48,719	46,600	(4.1)	31	17/07/2025
43	CVHM2505	5.0000 : 1	1,000	4,230	VHM	49,999	71,149	70,200	(0.7)	31	17/07/2025
44	CVIC2504	5.0000 : 1	1,000	6,750	VIC	54,444	88,194	86,800	(0.5)	31	17/07/2025
45	CVJC2502	10.0000 : 1	1,000	90	VJC	99,999	100,899	88,700	(12.5)	31	17/07/2025

46	CVNM2506	7.7265 : 1	1,000	80	VNM	63,314	63,932	56,600	(11.9)	31	17/07/2025
47	CVPB2507	1.9471 : 1	1,000	160	VPB	20,119	20,431	18,450	(9.3)	31	17/07/2025
48	CVRE2506	4.0000 : 1	1,000	1,380	VRE	18,999	24,519	24,600	0.4	31	17/07/2025
49	CACB2501	2.5068 : 1	1,800	560	ACB	20,473	21,877	21,450	(2.5)	38	24/07/2025
50	CFPT2501	9.9152 : 1	2,500	60	FPT	158,643	159,238	116,100	(26.7)	38	24/07/2025
51	CMBB2501	2.6066 : 1	1,700	1,990	MBB	20,852	26,039	25,800	(2.6)	38	24/07/2025
52	CTCB2501	2.0000 : 1	2,500	5,150	TCB	24,000	34,300	34,000	(2.5)	38	24/07/2025
53	CACB2404	3.3425 : 1	1,300	330	ACB	20,890	21,993	21,450	(3.0)	38	24/07/2025
54	CFPT2402	3.9386 : 1	6,300	460	FPT	132,927	134,739	116,100	(13.3)	38	24/07/2025
55	CHPG2408	4.0000 : 1	1,200	340	HPG	27,000	28,360	27,000	(4.9)	38	24/07/2025
56	CMBB2405	3.4754 : 1	1,100	970	MBB	22,590	25,961	25,800	(2.4)	38	24/07/2025
57	CMSN2404	4.0000 : 1	3,800	140	MSN	79,000	79,560	67,500	(15.1)	38	24/07/2025
58	CMWG2406	4.0000 : 1	3,100	650	MWG	66,000	68,600	64,100	(6.6)	38	24/07/2025
59	CSTB2409	4.0000 : 1	1,600	2,740	STB	36,000	46,960	46,600	(0.5)	38	24/07/2025
60	CVHM2406	4.0000 : 1	2,000	5,430	VHM	50,000	71,720	70,200	(1.5)	38	24/07/2025
61	CVIB2406	3.8474 : 1	1,000	170	VIB	18,275	18,929	18,100	(4.4)	38	24/07/2025
62	CVIC2405	4.0000 : 1	2,100	11,200	VIC	43,000	87,800	86,800	(0.1)	38	24/07/2025
63	CVNM2406	3.8332 : 1	3,000	90	VNM	66,123	66,468	56,600	(15.3)	38	24/07/2025
64	CVPB2407	3.8942 : 1	1,000	70	VPB	20,444	20,717	18,450	(10.5)	38	24/07/2025
65	CVRE2406	4.0000 : 1	1,000	1,400	VRE	19,000	24,600	24,600	0.1	38	24/07/2025
66	CFPT2507	7.9321 : 1	3,400	190	FPT	153,685	155,192	116,100	(24.7)	46	01/08/2025
67	CHPG2509	3.0000 : 1	1,700	430	HPG	28,000	29,290	27,000	(7.9)	46	01/08/2025
68	CMBB2508	2.0000 : 1	2,200	1,650	MBB	23,000	26,300	25,800	(3.6)	46	01/08/2025
69	CFPT2405	9.8465 : 1	2,900	470	FPT	132,927	137,555	116,100	(15.1)	55	12/08/2025
70	CHPG2410	4.0000 : 1	1,300	410	HPG	28,000	29,640	27,000	(9.0)	55	12/08/2025
71	CTCB2404	5.0000 : 1	1,000	1,930	TCB	25,000	34,650	34,000	(3.5)	55	12/08/2025
72	CVHM2409	5.0000 : 1	1,500	5,960	VHM	42,000	71,800	70,200	(1.6)	55	12/08/2025
73	CVPB2410	2.9206 : 1	1,200	330	VPB	20,444	21,408	18,450	(13.4)	55	12/08/2025
74	CVRE2408	3.0000 : 1	1,100	1,590	VRE	20,000	24,770	24,600	(0.6)	55	12/08/2025
75	CHDB2503	4.0000 : 1	1,000	280	HDB	25,555	26,675	22,150	(17.4)	91	17/09/2025
76	CHPG2512	4.0000 : 1	1,000	400	HPG	29,888	31,488	27,000	(14.3)	91	17/09/2025
77	CMSN2506	10.0000 : 1	1,000	400	MSN	75,555	79,555	67,500	(15.1)	91	17/09/2025
78	CSHB2503	1.9270 : 1	1,000	880	SHB	12,332	14,028	13,100	(6.5)	91	17/09/2025
79	CSSB2502	4.0000 : 1	1,000	140	SSB	21,234	21,794	18,150	(17.1)	91	17/09/2025
80	CSTB2508	4.0000 : 1	1,000	1,900	STB	40,999	48,599	46,600	(3.9)	91	17/09/2025
81	CVHM2506	5.0000 : 1	1,000	4,210	VHM	51,111	72,161	70,200	(2.1)	91	17/09/2025
82	CVIC2505	5.0000 : 1	1,000	6,540	VIC	55,555	88,255	86,800	(0.6)	91	17/09/2025
83	CVJC2503	10.0000 : 1	1,000	240	VJC	109,999	112,399	88,700	(21.5)	91	17/09/2025
84	CVNM2507	7.7265 : 1	1,000	250	VNM	65,460	67,392	56,600	(16.5)	91	17/09/2025
85	CVPB2508	1.9471 : 1	1,000	380	VPB	21,093	21,833	18,450	(15.1)	91	17/09/2025
86	CVRE2507	4.0000 : 1	1,000	1,330	VRE	19,888	25,208	24,600	(2.3)	91	17/09/2025
87	CHPG2502	3.0000 : 1	2,000	580	HPG	27,500	29,240	27,000	(7.7)	98	24/09/2025
88	CSTB2502	3.0000 : 1	2,800	4,010	STB	35,500	47,530	46,600	(1.7)	98	24/09/2025
89	CVPB2506	1.9471 : 1	1,200	560	VPB	19,666	20,756	18,450	(10.7)	108	02/10/2025
90	CACB2505	2.5068 : 1	1,470	920	ACB	21,977	24,283	21,450	(12.1)	111	07/10/2025
91	CMWG2505	6.0000 : 1	1,720	1,540	MWG	61,000	70,240	64,100	(8.8)	111	07/10/2025
92	CSTB2505	3.0000 : 1	1,990	2,980	STB	40,000	48,940	46,600	(4.6)	111	07/10/2025
93	CVNM2504	5.7949 : 1	1,640	660	VNM	62,778	66,603	56,600	(15.5)	111	07/10/2025

94	CACB2507	1.6712 : 1	2,000	1,560	ACB	20,890	23,497	21,450	(9.2)	116	10/10/2025
95	CFPT2514	9.9152 : 1	2,300	1,150	FPT	118,982	130,384	116,100	(10.4)	116	10/10/2025
96	CHPG2519	2.0000 : 1	2,100	1,410	HPG	27,000	29,820	27,000	(9.5)	116	10/10/2025
97	CLPB2502	4.6575 : 1	1,100	550	LPB	34,466	37,028	31,900	(13.3)	116	10/10/2025
98	CMBB2512	2.0000 : 1	1,800	1,570	MBB	25,000	28,140	25,800	(9.9)	116	10/10/2025
99	CMSN2513	5.0000 : 1	2,200	1,690	MSN	65,000	73,450	67,500	(8.0)	116	10/10/2025
100	CMWG2512	5.0000 : 1	1,900	1,280	MWG	65,000	71,400	64,100	(10.3)	116	10/10/2025
101	CSTB2516	2.0000 : 1	3,000	3,370	STB	43,000	49,740	46,600	(6.1)	116	10/10/2025
102	CTCB2508	2.0000 : 1	2,100	2,350	TCB	32,000	36,700	34,000	(8.9)	116	10/10/2025
103	CVHM2513	5.0000 : 1	1,300	1,400	VHM	74,000	81,000	70,200	(12.8)	116	10/10/2025
104	CVIB2506	2.0000 : 1	1,600	990	VIB	18,000	19,980	18,100	(9.5)	116	10/10/2025
105	CVNM2512	4.8291 : 1	1,800	940	VNM	58,915	63,454	56,600	(11.3)	116	10/10/2025
106	CVPB2514	1.9471 : 1	1,500	1,350	VPB	17,524	20,153	18,450	(8.0)	116	10/10/2025
107	CVRE2514	2.0000 : 1	1,400	660	VRE	30,000	31,320	24,600	(21.4)	116	10/10/2025
108	CHPG2513	4.0000 : 1	1,000	390	HPG	30,888	32,448	27,000	(16.9)	122	16/10/2025
109	CMSN2507	10.0000 : 1	1,000	500	MSN	77,999	82,999	67,500	(18.6)	122	16/10/2025
110	CSTB2509	4.0000 : 1	1,000	1,790	STB	42,999	50,159	46,600	(6.9)	122	16/10/2025
111	CVHM2507	5.0000 : 1	1,000	3,970	VHM	53,333	73,183	70,200	(3.5)	122	16/10/2025
112	CVIC2506	5.0000 : 1	1,000	6,310	VIC	57,777	89,327	86,800	(1.8)	122	16/10/2025
113	CVRE2508	4.0000 : 1	1,000	1,340	VRE	20,888	26,248	24,600	(6.2)	122	16/10/2025
114	CHPG2508	2.0000 : 1	2,000	1,480	HPG	27,000	29,960	27,000	(9.9)	125	21/10/2025
115	CTCB2506	4.0000 : 1	1,100	2,550	TCB	25,000	35,200	34,000	(5.0)	125	21/10/2025
116	CVRE2505	2.0000 : 1	1,000	4,010	VRE	17,000	25,020	24,600	(1.6)	125	21/10/2025
117	CACB2503	1.6712 : 1	2,100	810	ACB	22,562	23,916	21,450	(10.8)	129	23/10/2025
118	CFPT2502	9.9152 : 1	2,400	200	FPT	168,558	170,541	116,100	(31.5)	129	23/10/2025
119	CHPG2504	2.0000 : 1	2,200	930	HPG	29,000	30,860	27,000	(12.6)	129	23/10/2025
120	CMBB2503	1.7377 : 1	1,900	2,480	MBB	22,590	26,899	25,800	(5.8)	129	23/10/2025
121	CMSN2503	5.0000 : 1	2,600	920	MSN	75,000	79,600	67,500	(15.1)	129	23/10/2025
122	CMWG2503	5.0000 : 1	2,400	1,520	MWG	63,000	70,600	64,100	(9.3)	129	23/10/2025
123	CSTB2504	2.0000 : 1	2,700	5,100	STB	38,000	48,200	46,600	(3.1)	129	23/10/2025
124	CTCB2503	2.0000 : 1	2,000	4,530	TCB	26,000	35,060	34,000	(4.6)	129	23/10/2025
125	CVHM2502	5.0000 : 1	1,300	5,570	VHM	45,000	72,850	70,200	(3.1)	129	23/10/2025
126	CVIB2502	1.9237 : 1	1,500	460	VIB	20,199	21,084	18,100	(14.2)	129	23/10/2025
127	CVIC2502	5.0000 : 1	1,300	8,820	VIC	45,000	89,100	86,800	(1.5)	129	23/10/2025
128	CVNM2502	4.7916 : 1	2,300	550	VNM	63,249	65,884	56,600	(14.5)	129	23/10/2025
129	CVPB2501	1.9471 : 1	1,600	710	VPB	19,471	20,853	18,450	(11.1)	129	23/10/2025
130	CVRE2503	2.0000 : 1	1,600	3,530	VRE	18,000	25,060	24,600	(1.8)	129	23/10/2025
131	CHPG2406	4.0000 : 1	1,300	560	HPG	28,000	30,240	27,000	(10.8)	130	24/10/2025
132	CFPT2404	14.7697 : 1	2,600	1,000	FPT	119,142	133,912	116,100	(12.8)	137	31/10/2025
133	CHPG2409	3.0000 : 1	2,300	1,500	HPG	25,000	29,500	27,000	(8.5)	137	31/10/2025
134	CMBB2407	1.7377 : 1	2,600	2,400	MBB	22,590	26,760	25,800	(5.3)	137	31/10/2025
135	CMSN2406	6.0000 : 1	2,700	520	MSN	79,000	82,120	67,500	(17.7)	137	31/10/2025
136	CMWG2407	6.0000 : 1	2,200	510	MWG	70,000	73,060	64,100	(12.3)	137	31/10/2025
137	CSTB2410	3.0000 : 1	2,200	3,350	STB	38,000	48,050	46,600	(2.8)	137	31/10/2025
138	CTCB2403	5.0000 : 1	1,200	1,830	TCB	26,000	35,150	34,000	(4.9)	137	31/10/2025
139	CVHM2408	4.0000 : 1	2,600	8,660	VHM	38,000	72,640	70,200	(2.8)	137	31/10/2025
140	CVIB2407	1.9237 : 1	2,400	1,200	VIB	17,313	19,621	18,100	(7.8)	137	31/10/2025
141	CVNM2407	5.7499 : 1	2,500	330	VNM	65,165	67,062	56,600	(16.0)	137	31/10/2025

142	CVPB2409	1.9471 : 1	1,800	510	VPB	21,418	22,411	18,450	(17.3)	137	31/10/2025
143	CVRE2407	2.0000 : 1	2,500	4,520	VRE	16,000	25,040	24,600	(1.7)	137	31/10/2025
144	CFPT2509	24.7880 : 1	1,000	500	FPT	138,812	151,206	116,100	(22.8)	152	17/11/2025
145	CHDB2504	4.0000 : 1	1,000	340	HDB	26,666	28,026	22,150	(21.4)	152	17/11/2025
146	CHPG2514	4.0000 : 1	1,000	460	HPG	31,666	33,506	27,000	(19.5)	152	17/11/2025
147	CMSN2508	10.0000 : 1	1,000	500	MSN	79,777	84,777	67,500	(20.3)	152	17/11/2025
148	CMWG2507	10.0000 : 1	1,000	740	MWG	66,666	74,066	64,100	(13.5)	152	17/11/2025
149	CShB2504	1.9270 : 1	1,000	950	SHB	12,910	14,741	13,100	(11.1)	152	17/11/2025
150	CSSB2503	4.0000 : 1	1,000	240	SSB	22,345	23,305	18,150	(22.5)	152	17/11/2025
151	CSTB2510	4.0000 : 1	1,000	2,000	STB	43,999	51,999	46,600	(10.2)	152	17/11/2025
152	CVHM2508	5.0000 : 1	1,000	3,910	VHM	54,444	73,994	70,200	(4.6)	152	17/11/2025
153	CVIC2507	5.0000 : 1	1,000	6,210	VIC	58,888	89,938	86,800	(2.4)	152	17/11/2025
154	CVNM2508	7.7265 : 1	1,000	400	VNM	67,606	70,697	56,600	(20.4)	152	17/11/2025
155	CVPB2509	1.9471 : 1	1,100	600	VPB	22,066	23,234	18,450	(20.2)	152	17/11/2025
156	CVRE2509	4.0000 : 1	1,000	1,250	VRE	21,555	26,555	24,600	(7.3)	152	17/11/2025
157	CACB2508	1.6712 : 1	2,100	1,660	ACB	21,726	24,500	21,450	(12.9)	178	11/12/2025
158	CFPT2515	9.9152 : 1	2,500	1,310	FPT	122,948	135,937	116,100	(14.1)	178	11/12/2025
159	CHPG2520	2.0000 : 1	2,200	1,580	HPG	28,000	31,160	27,000	(13.4)	178	11/12/2025
160	CLPB2501	4.6575 : 1	1,200	640	LPB	36,329	39,310	31,900	(18.3)	178	11/12/2025
161	CMBB2513	2.0000 : 1	1,900	1,670	MBB	26,000	29,340	25,800	(13.6)	178	11/12/2025
162	CMSN2514	5.0000 : 1	2,300	1,780	MSN	68,000	76,900	67,500	(12.1)	178	11/12/2025
163	CMWG2513	5.0000 : 1	2,200	1,500	MWG	67,000	74,500	64,100	(14.0)	178	11/12/2025
164	CSTB2517	2.0000 : 1	3,400	3,430	STB	45,000	51,860	46,600	(9.9)	178	11/12/2025
165	CTCB2509	2.0000 : 1	2,300	2,300	TCB	34,000	38,600	34,000	(13.4)	178	11/12/2025
166	CVHM2514	5.0000 : 1	1,600	2,050	VHM	72,000	82,250	70,200	(14.1)	178	11/12/2025
167	CVIB2505	2.0000 : 1	1,600	1,030	VIB	19,000	21,060	18,100	(14.1)	178	11/12/2025
168	CVNM2513	4.8291 : 1	1,900	1,130	VNM	60,846	66,303	56,600	(15.1)	178	11/12/2025
169	CVPB2515	1.9471 : 1	1,600	1,380	VPB	18,497	21,184	18,450	(12.5)	178	11/12/2025
170	CVRE2513	2.0000 : 1	1,600	1,030	VRE	30,000	32,060	24,600	(23.2)	178	11/12/2025
171	CHPG2515	4.0000 : 1	1,000	470	HPG	32,222	34,102	27,000	(20.9)	182	17/12/2025
172	CMSN2509	10.0000 : 1	1,000	480	MSN	81,999	86,799	67,500	(22.1)	182	17/12/2025
173	CSTB2511	4.0000 : 1	1,000	1,940	STB	44,999	52,759	46,600	(11.5)	182	17/12/2025
174	CVHM2509	5.0000 : 1	1,000	3,790	VHM	56,666	75,616	70,200	(6.6)	182	17/12/2025
175	CVIC2508	5.0000 : 1	1,000	6,060	VIC	60,999	91,299	86,800	(3.9)	182	17/12/2025
176	CVRE2510	4.0000 : 1	1,000	1,130	VRE	22,111	26,631	24,600	(7.6)	182	17/12/2025
177	CFPT2505	9.9152 : 1	2,730	650	FPT	156,660	163,105	116,100	(28.4)	203	07/01/2026
178	CHPG2506	4.0000 : 1	1,220	950	HPG	27,800	31,600	27,000	(14.6)	203	07/01/2026
179	CTCB2504	6.0000 : 1	1,100	2,030	TCB	24,500	36,680	34,000	(8.8)	203	07/01/2026
180	CFPT2511	9.9152 : 1	2,400	1,400	FPT	122,948	136,829	116,100	(14.6)	206	08/01/2026
181	CMBB2509	2.0000 : 1	2,400	2,160	MBB	24,500	28,820	25,800	(12.0)	206	08/01/2026
182	CMSN2511	8.0000 : 1	1,700	1,780	MSN	59,000	73,240	67,500	(7.7)	206	08/01/2026
183	CMWG2509	8.0000 : 1	1,400	1,840	MWG	54,500	69,220	64,100	(7.5)	206	08/01/2026
184	CSTB2513	4.0000 : 1	2,000	2,710	STB	39,000	49,840	46,600	(6.3)	206	08/01/2026
185	CTPB2502	1.8644 : 1	1,400	1,230	TPB	13,051	15,344	13,350	(12.7)	206	08/01/2026
186	CVHM2510	4.0000 : 1	2,600	4,590	VHM	57,500	75,860	70,200	(6.9)	206	08/01/2026
187	CVIC2509	4.0000 : 1	3,000	6,250	VIC	68,000	93,000	86,800	(5.7)	206	08/01/2026
188	CVNM2510	7.7265 : 1	1,600	760	VNM	58,915	64,787	56,600	(13.1)	206	08/01/2026
189	CVPB2511	1.9471 : 1	2,000	1,550	VPB	18,011	21,029	18,450	(11.8)	206	08/01/2026

190	CFPT2508	7.9321 : 1	4,900	970	FPT	153,685	161,379	116,100	(27.6)	230	03/02/2026
191	CHPG2510	3.0000 : 1	2,400	1,090	HPG	29,000	32,270	27,000	(16.4)	230	03/02/2026
192	CMBB2507	2.0000 : 1	3,000	2,200	MBB	24,000	28,400	25,800	(10.7)	230	03/02/2026
193	CFPT2510	24.7880 : 1	1,000	640	FPT	152,693	168,557	116,100	(30.7)	248	19/02/2026
194	CHDB2505	4.0000 : 1	1,000	480	HDB	27,777	29,697	22,150	(25.8)	248	19/02/2026
195	CHPG2516	4.0000 : 1	1,000	650	HPG	33,111	35,711	27,000	(24.4)	248	19/02/2026
196	CMSN2510	10.0000 : 1	1,000	600	MSN	83,399	89,399	67,500	(24.4)	248	19/02/2026
197	CMWG2508	10.0000 : 1	1,000	770	MWG	72,999	80,699	64,100	(20.6)	248	19/02/2026
198	CSHB2505	1.9270 : 1	1,000	1,160	SHB	13,295	15,530	13,100	(15.6)	248	19/02/2026
199	CSSB2504	4.0000 : 1	1,000	320	SSB	23,123	24,403	18,150	(26.0)	248	19/02/2026
200	CSTB2512	4.0000 : 1	1,100	1,970	STB	45,999	53,879	46,600	(13.3)	248	19/02/2026
201	CVNM2509	7.7265 : 1	1,000	560	VNM	69,537	73,864	56,600	(23.8)	248	19/02/2026
202	CVPB2510	1.9471 : 1	1,100	930	VPB	23,040	24,851	18,450	(25.4)	248	19/02/2026
203	CACB2502	1.6712 : 1	2,500	1,340	ACB	23,397	25,636	21,450	(16.8)	279	24/03/2026
204	CFPT2503	9.9152 : 1	2,800	550	FPT	178,473	183,926	116,100	(36.5)	279	24/03/2026
205	CHPG2505	2.0000 : 1	2,600	1,680	HPG	30,000	33,360	27,000	(19.1)	279	24/03/2026
206	CMBB2504	1.7377 : 1	2,300	2,920	MBB	23,459	28,533	25,800	(11.2)	279	24/03/2026
207	CMWG2504	5.0000 : 1	2,900	2,060	MWG	66,000	76,300	64,100	(16.0)	279	24/03/2026
208	CVNM2503	4.7916 : 1	2,600	800	VNM	66,123	69,956	56,600	(19.5)	279	24/03/2026
209	CVPB2502	1.9471 : 1	1,900	1,190	VPB	20,444	22,761	18,450	(18.5)	279	24/03/2026
210	CMBB2505	3.0000 : 1	1,540	2,080	MBB	22,800	29,040	25,800	(12.7)	293	07/04/2026
211	CVHM2503	7.0000 : 1	1,480	4,580	VHM	42,000	74,060	70,200	(4.6)	293	07/04/2026
212	CVPB2504	2.9206 : 1	1,460	1,160	VPB	19,471	22,859	18,450	(18.9)	293	07/04/2026
213	CFPT2512	9.9152 : 1	2,800	1,740	FPT	124,931	142,183	116,100	(17.9)	297	09/04/2026
214	CHPG2517	2.0000 : 1	3,000	2,860	HPG	25,500	31,220	27,000	(13.6)	297	09/04/2026
215	CMBB2510	2.0000 : 1	2,800	2,680	MBB	24,500	29,860	25,800	(15.1)	297	09/04/2026
216	CMWG2510	8.0000 : 1	1,600	2,030	MWG	55,000	71,240	64,100	(10.1)	297	09/04/2026
217	CSTB2514	4.0000 : 1	2,200	2,970	STB	39,500	51,380	46,600	(9.1)	297	09/04/2026
218	CVHM2511	4.0000 : 1	3,000	5,120	VHM	58,000	78,480	70,200	(10.0)	297	09/04/2026
219	CVPB2512	1.9471 : 1	2,200	1,740	VPB	18,497	21,885	18,450	(15.3)	297	09/04/2026
220	CVRE2511	2.0000 : 1	2,300	3,060	VRE	21,500	27,620	24,600	(10.9)	297	09/04/2026
221	CFPT2513	12.8897 : 1	1,700	790	FPT	133,855	144,038	116,100	(18.9)	334	18/05/2026
222	CHPG2518	3.0000 : 1	1,700	1,200	HPG	28,000	31,600	27,000	(14.6)	334	18/05/2026
223	CMBB2511	3.0000 : 1	1,800	1,390	MBB	25,000	29,170	25,800	(13.1)	334	18/05/2026
224	CMSN2512	7.0000 : 1	2,200	2,140	MSN	60,000	74,980	67,500	(9.9)	334	18/05/2026
225	CMWG2511	6.0000 : 1	2,400	1,410	MWG	64,000	72,460	64,100	(11.6)	334	18/05/2026
226	CSTB2515	3.0000 : 1	2,900	3,870	STB	40,000	51,610	46,600	(9.5)	334	18/05/2026
227	CTCB2507	3.0000 : 1	2,800	3,010	TCB	28,500	37,530	34,000	(10.9)	334	18/05/2026
228	CTPB2503	2.0000 : 1	1,700	1,350	TPB	13,000	15,700	13,350	(14.6)	334	18/05/2026
229	CVHM2512	4.0000 : 1	2,950	5,180	VHM	58,000	78,720	70,200	(10.3)	334	18/05/2026
230	CVIB2504	2.0000 : 1	1,900	1,550	VIB	19,000	22,100	18,100	(18.1)	334	18/05/2026
231	CVNM2511	6.0000 : 1	2,200	1,590	VNM	55,000	64,540	56,600	(12.8)	334	18/05/2026
232	CVPB2513	2.0000 : 1	2,500	1,830	VPB	18,000	21,660	18,450	(14.4)	334	18/05/2026
233	CVRE2512	2.0000 : 1	2,900	2,060	VRE	23,500	27,620	24,600	(10.9)	334	18/05/2026

Nguồn: Bloomberg, FiinproX, KIS Research

CW: Chứng quyền, Sắp xếp theo Ngày giao dịch cuối cùng

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của KIS Vietnam Securities Corp., công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. KIS Vietnam Securities Corp. không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. KIS Vietnam Securities Corp., hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của KIS Vietnam Securities Corp.. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2025 của KIS Vietnam Securities Corp.. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..